

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/DS-ST

Ngày: 30 tháng 9 năm 2020

*“V/v: Kiện xác định quyền sở hữu tài sản, quyền  
sử dụng đất của người phải thi hành án”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tạc và ông Hồ Tùng Mận

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Vi, là Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:***  
Ông Y Lương Byă- chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 671/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về “V/v “Kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151a/2019/QĐXX - ST ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang D (có mặt)

Địa chỉ: 8A NT, phường TA, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Ông Võ Văn D1 và bà Nguyễn Thị Kim D2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia 1, tổ dân phố 15, phường KX, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị Phúc A (có mặt)

Địa chỉ: 8A NT, phường TA, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Võ Minh D3 và chị Võ Thị Phương D4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia 1, tổ dân phố 15, phường KX, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Đức Tr (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia 1, tổ dân phố 15, phường KX, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. CCTHA TP Buôn Ma Thuột (vắng mặt)

Địa chỉ: 29 HHT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Kim D2 và ông Võ Văn D1 có vay tiền của tôi vụ việc đã được Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, giải quyết tại bản án số 126/DSST ngày 25/9/2012.

Ngày 12/12/2012 chi cục Thi hành án TP Buôn Ma Thuột đã ra quyết định thi hành án số 877/QĐ-CCTHA, tuy nhiên từ nhiều năm nay không thi hành án được vì tài sản là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2.

Căn cứ vào thông báo số 78 ngày 8/10/2019 của Chi cục THADS TP Buôn Ma Thuột thông báo cho tôi về quyền khởi kiện vụ án về phân chia tài sản chung hộ gia đình để có căn cứ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Do vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất tại thửa đất thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ ông Võ Văn Dư và Nguyễn Thị Kim Duyên là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 để tôi có căn cứ thi hành án theo quy định của pháp luật

#### **Bị đơn ông Võ Văn D1 trình bày:**

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Kim D2 và là bố đẻ của ông Võ Minh D3 và bà Võ Thị Phương D4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của tôi và bà Nguyễn Thị Kim D2. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cháu Võ Minh D3 là 13 tuổi, cháu Võ Thị Phương D4, 5 tuổi nên các cháu không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung này. Nay ông Nguyễn Quang D đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất tại thửa đất thửa đất số

08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 đây là tài sản chung của vợ chồng là đúng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Tr trình bày:**

Năm 2012, tôi có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 diện tích đất 245m<sup>2</sup> nằm một phần trong thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2. Quá trình sử dụng đất chúng tôi có tranh chấp và đã được giải quyết bằng bản án số 58/DSPT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hiện nay cơ quan thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột đang thi hành. Nay ông Nguyễn Quang D khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phúc A trình bày:** Bà Nguyễn Thị Kim D2 và ông Võ Văn D1 có vay tiền của vợ chồng tôi vụ việc đã được Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, giải quyết tại bản án số 126/DSST ngày 25/9/2012. Ngày 12/12/2012 chi cục Thi hành án TP Buôn Ma Thuột đã ra quyết định thi hành án số 877/QĐ-CCTHA, tuy nhiên từ nhiều năm nay không thi hành án được vì tài sản là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2. Căn cứ vào thông báo số 78 ngày 8/10/2019 của Chi cục THADS TP Buôn Ma Thuột thông báo về quyền khởi kiện vụ án về phân chia tài sản chung hộ gia đình để có căn cứ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Do vậy, ông Nguyễn Quang D làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 tôi hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim D2, ông Võ Minh D3 và bà Võ Thị Phương D4 Tòa án đã tiến hành xác minh niêm yết các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đối với cơ quan thi hành án Tòa án đã tiến hành triệu tập để tham gia tố tụng. Tại công văn số 4818/CCTHADS-CHV ngày 22/9/2020 cơ quan thi hành án từ chối tham gia tố tụng.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 155, Điều 161, Điều 189, 207, 213 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang D.

Quyền quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim D2 và ông Võ Văn D1 có vay tiền của ông Nguyễn Quang D và bà Vũ Thị Phúc A vụ việc đã được Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, giải quyết tại bản án số 126/DSST ngày 25/9/2012. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Quang D và bà Vũ Thị Phúc A đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 12/12/2012 chi cục Thi hành án TP Buôn Ma Thuột đã ra quyết định thi hành án số 877/QĐ-CCTHA, tuy nhiên đến nay chưa thi hành án được vì tài sản là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2. Ngày 8/10/2019 Chi cục THA DS TP Buôn Ma Thuột thông báo cho đương sự về quyền khởi kiện vụ án về phân chia tài sản chung hộ gia đình để có căn cứ thi hành án theo quy định của pháp luật. Ngày 8/10/2019 ông Nguyễn Quang D làm đơn đề nghị Tòa án xác định

quyền sở hữu tài sản và phân quyền sử dụng đất tại thửa đất thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2.

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2, hộ gia đình ông Võ Văn D1 bao gồm ông Võ Văn D1(chồng), bà Nguyễn Thị Kim D2 (vợ), ông Võ Minh D3 (con) và bà Võ Thị Phương D4 (con), tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Võ Minh D3 và bà Võ Thị Phương D4 còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung này, ông Võ Văn D1 cũng đã xác định ông Võ Minh D3 và bà Võ Thị Phương D4 không có đóng góp tài sản này là tài sản chung của ông và bà D4. Như vậy căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015 đây là tài sản chung của Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang D, xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2, mỗi người được sở hữu, sử dụng ½ khối tài sản chung nay là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 26, Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 33 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 161, Điều 189, 207, 213 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang D.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 154, diện tích 4209m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 932586 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/7/2007 mang tên hộ Võ Văn D1 và

Nguyễn Thị Kim D2 là tài sản chung của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2, mỗi người được sở hữu, sử dụng  $\frac{1}{2}$  khối tài sản chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số: AA/2019/0005054 ngày 16/10/2019.

Ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D2 phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho ông Nguyễn Quang D sau khi thu được của ông Võ Văn D1 và Nguyễn Thị Kim D.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Kiên**